

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 07-8-2023

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Bà Võ Thị Yến Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số C Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Elbert E R, sinh năm 1952. Địa chỉ: C E Arrow H, C, USA (Hoa Kỳ). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Elbert E R đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2019 tại UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn thì ông Elbert E R quay về Mỹ sinh sống. Kể từ lúc đó bà và ông Elbert E R không còn gặp lại lần nào nữa. Vì ngôn ngữ và văn hóa khác nhau nên ông bà thường xuyên cãi nhau kể từ khi

ông Elbert E R về Mỹ. Vì vậy mà tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, xác định không còn tình cảm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Elbert E R.

- Về con chung: Bà xác định, bà và ông Elbert E R không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định, bà và ông Elbert E R không có tài sản chung và nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Elbert E R không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Elbert E R.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Elbert E R.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị L xác định không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L xác định không có.

Án phí HNGĐ sơ thẩm, các chi phí tố tụng, bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, địa chỉ cư trú tại số nhà S đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Elbert E R, địa chỉ cư trú tại số C E Arrow H, C, Hoa Kỳ nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn -

bà Nguyễn Thị L và bị đơn – ông Elbert E R, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo thụ lý vụ án cho ông Elbert E R bằng đường ngoại giao theo Luật tương trợ tư pháp và yêu cầu ông Elbert E R gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 13/4/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác tư pháp nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất và ấn định lại ngày mở phiên tòa lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 ngày 07/8/2023.

Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã gửi Công văn số 07/2023/CV-TA ngày 13/4/2023 đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền trả lời về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với đương sự là ông Elbert E R để Tòa án có cơ sở giải quyết vụ án. Ngày 19/6/2023, Tòa án nhận được Công văn số 789/BTP-PLQT ngày 21/4/2023 của Bộ Tư pháp và Công văn số 1296/BTP-PLQT ngày 01/6/2023 của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp, theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ đã không thực hiện được ủy thác tư pháp. Tại phiên tòa hôm nay, ông Elbert E R vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Elbert E R kết hôn vào ngày 27/11/2019 tại UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà L, sau khi kết hôn, ông Elbert E R quay về Mỹ sinh sống, kể từ lúc đó bà và ông Elbert E R không còn gặp lại lần nào nữa, còn bà vẫn sinh sống tại Đà Nẵng - Việt Nam. Vì vậy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm phai nhạt. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Elbert E R. Còn ông Elbert E R vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản hồi về việc bà L xin ly hôn với ông.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L thấy: Hôn nhân giữa bà L và ông Elbert E R chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Elbert E R là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L xác định không có, ông Elbert E R không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, HĐXX không đề cập đến.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài, bà Nguyễn Thị L không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Elbert E R.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Elbert E R.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005005 ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0005019 ngày 20/7/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tổng đạt nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0005018 ngày 20/7/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 3.000.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0005020 ngày 20/7/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.090.000 đồng, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ theo biên lai số 0004324 ngày 01/8/2022 và hóa đơn bán hàng số 00000024 ngày 01/8/2022 của Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và Biên lai dịch thuật ngày 28/6/2023 của Công ty TNHH T.

6. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.237.250 đồng (tương đương 95 USD), bà L đã nộp đủ.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Elbert E R không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

